

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	MT610025
1.2. Tên học phần:	Tiếng Anh chuyên ngành môi trường
1.3. Tên tiếng Anh:	English for Environmental Studies
1.4. Số tín chỉ:	2 (2 TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	0 tiết
- Thực hành:	60 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Môi trường
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Thắm
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Phạm Quý Giang TS. Lê Duy Khương
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung:

Sau khi học xong học phần Tiếng Anh chuyên ngành môi trường, người học có thể sử dụng được các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành khoa học môi trường và nắm được bối cảnh sử dụng các thuật ngữ về tài nguyên và môi trường, đồng thời giúp người học phát triển các kỹ năng nghe, đọc hiểu, củng cố các từ vựng và thuật ngữ môi trường bằng tiếng Anh, từng bước hình thành năng lực dịch các tài liệu khoa học môi trường bằng tiếng Anh.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Sử dụng được các thuật ngữ tiếng Anh trong lĩnh vực môi trường.

- CO2: Nghe và đọc hiểu được các bài báo khoa học bằng tiếng Anh thuộc chuyên ngành môi trường.

- CO3: Thuyết trình được các chủ đề môi trường bằng tiếng Anh.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO4: Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, phân tích và tóm tắt các tài liệu chuyên ngành.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có khả năng nhận thức và lý giải các vấn đề môi trường, có trách nhiệm với công tác bảo vệ môi trường.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Sử dụng được những từ vựng, cụm từ tiếng Anh chuyên ngành môi trường.	CO1, CO5
CLO2	Vận dụng được kỹ năng nghe các bài giảng chuyên ngành môi trường bằng tiếng Anh một cách linh hoạt.	CO1, CO2, CO4, CO5
CLO3	Áp dụng được kỹ năng viết các câu, đoạn văn, bài luận, bài báo khoa học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
CLO4	Đọc hiểu được và dịch được các bài viết khoa học thuộc lĩnh vực môi trường bằng tiếng Anh.	CO1, CO2, CO3, CO5
CLO5	Sử dụng thành thạo kỹ năng thuyết trình các bài báo khoa học chuyên ngành môi trường bằng poster và power point.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A¹ cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO1		I	I								R	I
CLO2		I	I								R	I
CLO3		I	I						I	I	R	I
CLO4		I	I			I	I		I	I	M	I

¹ I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu;

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu;

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO5		R					I		I	I	M	I
Tổng hợp học phần		I	I			I	I		I	I	M	I

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Đặng Thị Vân Anh, Phan Vũ Bình Minh (2016), *English for Environmental Technology*, Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Richard Lee (2009), *English for Environmental science in higher education studies*, Garnet Publishing Ltd.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/buổi x 1 buổi/tuần x 15 tuần = 60 tiết/ 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	(*) Giới thiệu học phần Unit 1: Environmental science and technology? 1.1. Listening 1.2. Vocabulary 1.3. Reading 1.4. Translation	4	- Vận dụng kỹ năng nghe 1 bài giảng. - Sử dụng được một số thuật ngữ về khoa học và công nghệ môi trường - Đọc hiểu bài đọc về What is environmental technology? - Dịch được những câu từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại liên quan đến chủ đề khoa học và công nghệ môi trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- Giảng viên đưa ra câu hỏi, gợi ý và hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV thảo luận và làm bài tập theo các nhóm - GV gọi SV trả lời - GV chữa bài tập - Giao BTVN
2	Unit 2: The atmosphere and	4	- Vận dụng kỹ năng nghe 1 bài giảng. - Sử dụng được một	CLO1, CLO2, CLO3,	- GV chữa BTVN - GV đưa ra câu hỏi, gợi ý và hướng

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	ecosystem 2.1. Listening 2.2. Vocabulary 2.3. Reading 2.4. Translation		số thuật ngữ về khí quyển và hệ sinh thái - Đọc hiểu bài đọc về các tầng khí quyển - Dịch được những câu từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại liên quan đến chủ đề khí quyển và hệ sinh thái	CLO4	đẫn sinh viên làm bài tập - SV thảo luận và làm bài tập theo các nhóm - GV gọi SV trả lời - GV chữa bài tập - Giao BTVN
3	Bài ôn tập số 1 Ôn tập lại các bài tập ở Unit 1 và Unit 2	4	- Vận dụng kỹ năng nghe 1 bài giảng. - Sử dụng được những tiền tố và hậu tố trong tiếng anh chuyên ngành khoa học môi trường, khí quyển và hệ sinh thái - Dịch được những câu từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại liên quan đến chủ đề khoa học và công nghệ môi trường, khí quyển và hệ sinh thái	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- GV chữa BTVN - GV đưa ra các nội dung chính trong các unit 1,2 - GV đưa ra câu hỏi, gợi ý và hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV thảo luận và làm bài tập theo các nhóm - GV gọi SV trả lời - GV chữa bài tập - Giao BTVN
4	Bài kiểm tra số 1 (A2.1) Sinh viên tìm các bài báo tiếng Anh liên quan đến chủ đề khoa học và công nghệ môi trường, các tầng khí quyển và hệ sinh thái và thuyết trình	4	Trình bày và sử dụng được các thuật ngữ tiếng Anh về khoa học và công nghệ môi trường, các tầng khí quyển và hệ sinh thái.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- Sinh viên thuyết trình theo nhóm (oral presentation) - GV đặt câu hỏi - SV thảo luận, trả lời câu hỏi - GV nhận xét, đánh giá, chấm điểm
5	Unit 3: Energy resources 3.1. Listening 3.2. Vocabulary 3.3. Reading 3.4. Translation	4	- Vận dụng được kỹ năng nghe 1 bài giảng, nắm bắt từ khóa - Sử dụng được các từ vựng, thuật ngữ về tài nguyên năng lượng. - Đọc hiểu bài đọc về năng lượng mặt trời và năng lượng thủy điện - Dịch được một số	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	- GV chữa BTVN - GV đưa ra câu hỏi, gợi ý và hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV thảo luận và làm bài tập theo các nhóm - GV gọi SV trả lời - GV chữa bài tập - Giao BTVN

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			câu từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại		
6	Unit 4: Air pollution 4.1. Listening 4.2. Vocabulary 4.3. Reading 4.4. Translation	4	- Vận dụng được kỹ năng nghe 1 bài giảng, nắm bắt từ khóa - Sử dụng được các từ vựng, thuật ngữ về ô nhiễm không khí - Đọc hiểu bài đọc liên quan đến ô nhiễm không khí - Dịch được một số câu từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại	CLO1, CLO3, CLO4	- GV chữa BTVN - GV đưa ra câu hỏi, gợi ý và hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV thảo luận và làm bài tập theo các nhóm - GV gọi SV trả lời - GV chữa bài tập - Giao BTVN
7	Unit 5: Noise pollution 5.1. Listening 5.2. Vocabulary 5.3. Reading 5.4. Translation	4	- Vận dụng được kỹ năng nghe 1 bài giảng, nắm bắt từ khóa - Sử dụng được các từ vựng, thuật ngữ về ô nhiễm tiếng ồn - Đọc hiểu bài đọc về ô nhiễm tiếng ồn - Dịch được một số câu từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại	CLO1, CLO2, CLO4	- GV chữa BTVN - GV đưa ra câu hỏi, gợi ý và hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV thảo luận và làm bài tập theo các nhóm - GV gọi SV trả lời - GV chữa bài tập - Giao BTVN
8	Bài ôn tập số 2 Ôn tập các nội dung trong unit 3,4,5	4	- Vận dụng được kỹ năng nghe 1 bài giảng, nắm bắt từ khóa - Sử dụng được các từ vựng, thuật ngữ về tài nguyên năng lượng, ô nhiễm không khí, ô nhiễm tiếng ồn - Dịch được một số câu từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- GV chữa BTVN - Giảng viên đưa ra các nội dung chính trong các unit 3,4,5 - GV đưa ra câu hỏi, gợi ý và hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV thảo luận và làm bài tập theo các nhóm - GV gọi SV trả lời - GV chữa bài tập - Giao BTVN
9	Unit 6: Water pollution 6.1. Listening 6.2. Vocabulary	4	- Vận dụng được kỹ năng nghe 1 bài giảng, nắm bắt từ khóa - Sử dụng được các từ	CLO1, CLO3, CLO4	- GV chữa BTVN - GV đưa ra câu hỏi, gợi ý và hướng dẫn sinh viên làm bài tập

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	6.3. Reading 6.4. Translation		vùng, thuật ngữ về ô nhiễm nước - Đọc hiểu bài đọc về ô nhiễm nước - Dịch được một số câu từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại		- SV thảo luận và làm bài tập theo các nhóm - GV gọi SV trả lời - GV chữa bài tập - Giao BTVN
10	Unit 7: Wastewater treatment 7.1. Listening 7.2. Vocabulary 7.3. Reading 7.4. Translation	4	- Vận dụng được kỹ năng nghe 1 bài giảng, nắm bắt từ khóa - Sử dụng được các từ vựng, thuật ngữ về xử lý nước thải - Đọc hiểu bài đọc về xử lý nước thải - Dịch được một số câu từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	- GV chữa BTVN - GV đưa ra câu hỏi, gợi ý và hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV thảo luận và làm bài tập theo các nhóm - GV gọi SV trả lời - GV chữa bài tập - Giao BTVN
11	Unit 8: Solid wastes 8.1. Listening 8.2. Vocabulary 8.3. Reading 8.4. Translation	4	- Vận dụng được kỹ năng nghe 1 bài giảng, nắm bắt từ khóa - Sử dụng được các từ vựng, thuật ngữ chất thải rắn - Đọc hiểu bài đọc về chất thải rắn - Dịch được một số câu từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại	CLO1, CLO3, CLO4	- GV chữa BTVN - GV đưa ra câu hỏi, gợi ý và hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV thảo luận và làm bài tập theo các nhóm - GV gọi SV trả lời - GV chữa bài tập - Giao BTVN
12	Unit 9: Solid waste management 9.1. Listening 9.2. Vocabulary 9.3. Reading 9.4. Translation	4	- Vận dụng được kỹ năng nghe 1 bài giảng, nắm bắt từ khóa - Sử dụng được các từ vựng, thuật ngữ về quản lý chất thải rắn - Đọc hiểu bài đọc về quản lý chất thải rắn - Dịch được một số câu từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại	CLO1, CLO2, CLO5	- GV chữa BTVN - GV đưa ra câu hỏi, gợi ý và hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV thảo luận và làm bài tập theo các nhóm - GV gọi SV trả lời - GV chữa bài tập - Giao BTVN
13	Unit 10: Sustainable development	4	- Vận dụng được kỹ năng nghe 1 bài giảng, nắm bắt từ	CLO1, CLO3, CLO4,	- GV chữa BTVN - GV đưa ra câu hỏi, gợi ý và hướng

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	10.1. Listening 10.2. Vocabulary 10.3. Reading 10.4. Translation		khóa - Sử dụng được các từ vựng, thuật ngữ về phát triển bền vững - Đọc hiểu bài đọc về phát triển bền vững - Dịch được một số câu từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại	CLO5	đẫn sinh viên làm bài tập - SV thảo luận và làm bài tập theo các nhóm - GV gọi SV trả lời - GV chữa bài tập - Giao BTVN
14	Bài ôn tập số 3 Ôn tập các nội dung trong unit 6,7,8,9,10	4	- Vận dụng được kỹ năng nghe 1 bài giảng, nắm bắt từ khóa - Sử dụng được các từ vựng, thuật ngữ về ô nhiễm nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và quản lý chất thải rắn, phát triển bền vững - Dịch được một số câu từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại	CLO1, CLO2, CLO5	- GV chữa BTVN - Giảng viên đưa ra các nội dung chính trong các unit 6,7,8,9 - GV đưa ra câu hỏi, gợi ý và hướng dẫn sinh viên làm bài tập - SV thảo luận và làm bài tập theo các nhóm - GV gọi SV trả lời - GV chữa bài tập - Giao BTVN
15	Bài kiểm tra định kỳ số 2 Sinh viên tìm kiếm, chọn, tìm hiểu nội dung thuyết trình các bài báo tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường	4	- Trình bày và sử dụng được các thuật ngữ tiếng Anh liên quan đến bài báo đã được chọn. - Đọc hiểu và dịch được bài báo khoa học đã chọn về lĩnh vực tài nguyên và môi trường	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- Sinh viên thuyết trình theo nhóm (oral presentation) - GV đặt câu hỏi - SV thảo luận, trả lời câu hỏi - GV nhận xét, đánh giá, chấm điểm

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Thời gian tham dự, ý thức dự lớp, thái độ tham dự, ý thức tự học	Thời gian 30%, ý thức dự lớp 30%, ý thức tự học 40			Điểm danh, ghi chú thái độ tham dự lớp của từng sinh viên theo buổi học, sau đó chấm điểm.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Các bài báo tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến Unit 1, 2	50%		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Sinh viên tìm các bài báo tiếng Anh chuyên ngành và trình bày lại kết quả nghiên cứu
		Các bài báo tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến các chủ đề tài nguyên và môi trường	50%		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Sinh viên tìm các bài báo tiếng Anh chuyên ngành và trình bày lại kết quả nghiên cứu
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Các nội dung từ Unit 1 đến Unit 10	100%		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Sinh viên làm bài thi viết trên giấy

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Đánh giá chuyên cần theo thang điểm 10 dựa trên 3 tiêu chí: thời gian dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học cụ thể theo bảng 5.

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm cho mỗi mục	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Thời gian dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Dự đủ, đúng giờ 100%	Tích cực phát biểu,	Thực hiện từ 100% các nhiệm

	số tiết trên lớp.	thảo luận, đặt câu hỏi.	vụ học tập giáo viên giao.
2	Dự đủ, đúng giờ \geq 90% số tiết trên lớp	Có ý thức phát biểu, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
1	Dự đủ, đúng giờ \geq 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
0	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

a. Bài kiểm tra định kỳ số 1 (A2.1)

- Nội dung: Sinh viên tìm các bài báo tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến nội dung Unit 1, 2 và trình bày lại kết quả nghiên cứu
- Hình thức: Sinh viên thuyết trình theo nhóm
- Thời gian: 20 phút/ nhóm

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung bài báo	Phù hợp với yêu cầu	3
2	Hình thức trình bày powerpoint	Rõ ràng, đầy đủ các nội dung, sạch đẹp	3
3	Kỹ năng thuyết trình	Phát âm chuẩn, rõ ràng, mạch lạc, tự tin, biết sử dụng các liên từ, trả lời câu hỏi chính xác	4
Tổng điểm			10

b. Bài kiểm tra định kỳ số 2 (A2.2)

- Nội dung: Sinh viên được chọn, tìm hiểu nội dung thuyết trình một trong các chủ đề liên quan đến tài nguyên và môi trường theo các nhóm (tối đa 3 sinh viên/nhóm)
- Hình thức: Sinh viên thuyết trình theo nhóm
- Thời gian: 20 phút/ nhóm

Bảng 6.3. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung bài báo	Phù hợp với yêu cầu	3
2	Hình thức trình bày powerpoint	Rõ ràng, đầy đủ các nội dung, sạch đẹp	3
3	Kỹ năng thuyết trình	Phát âm chuẩn, rõ ràng, mạch lạc, tự tin, biết sử dụng các liên từ	4
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Các nội dung từ Unit 1 đến Unit 10
- Hình thức: Sinh viên làm bài thi trên giấy

- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Unit 1 - Unit 3	- Đưa ra các đáp án chính xác: 100% (3 điểm) - Đáp án sai sẽ bị trừ điểm theo phần trăm so với tổng điểm.	3
2	Unit 4 - Unit 6	- Đưa ra các đáp án chính xác: 100% (3 điểm) - Đáp án sai sẽ bị trừ điểm theo phần trăm so với tổng điểm.	3
3	Unit 7 - Unit 10	- Đưa ra các đáp án chính xác: 100% (4 điểm) - Đáp án sai sẽ bị trừ điểm theo phần trăm so với tổng điểm.	4
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2022

Trưởng khoa



Lê Duy Khương

Người biên soạn



Nguyễn Thị Thắm